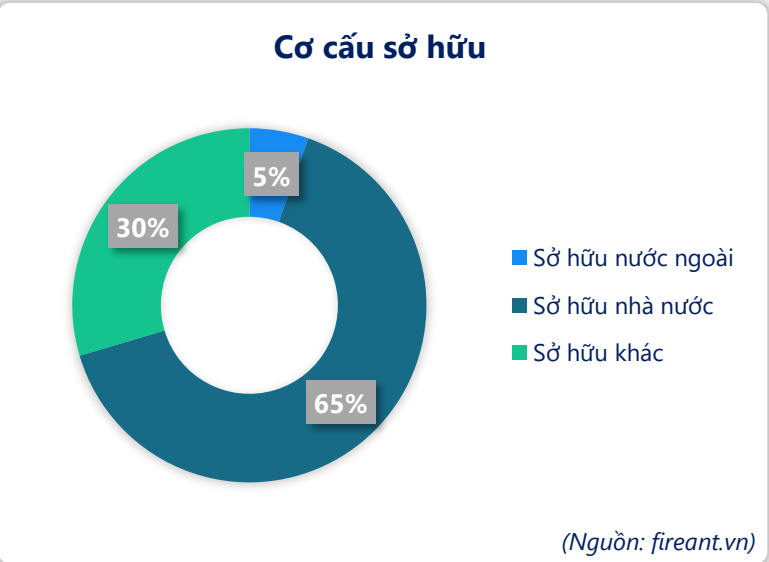
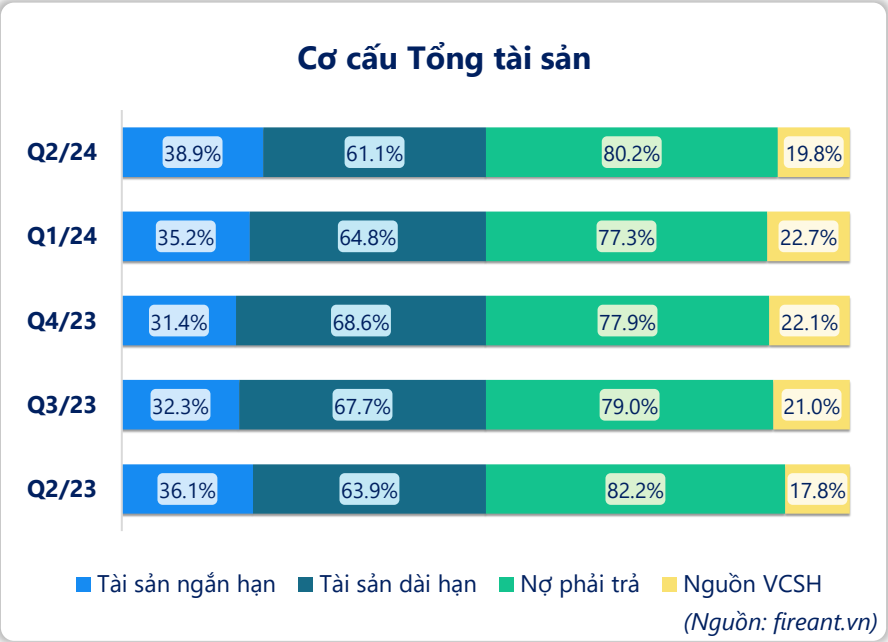
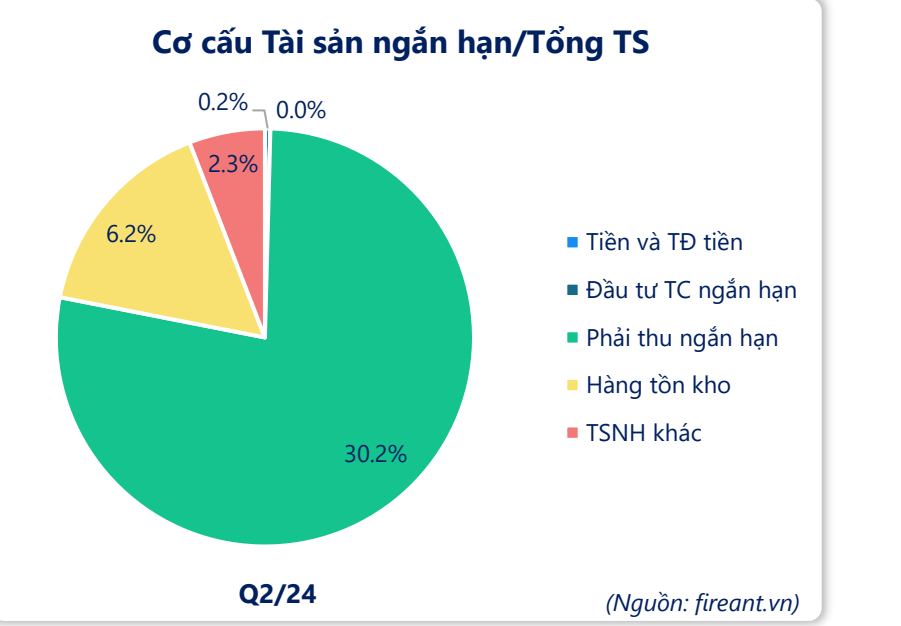
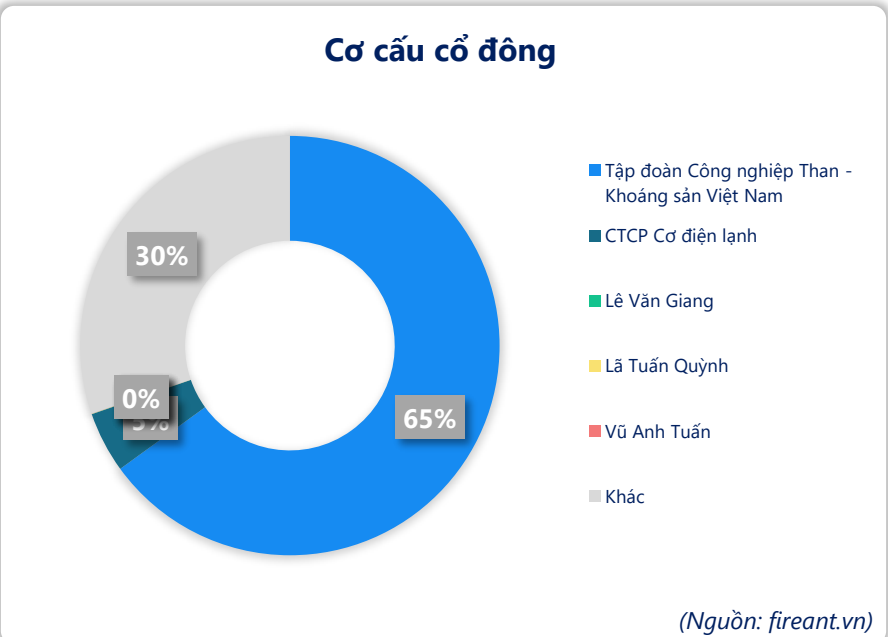
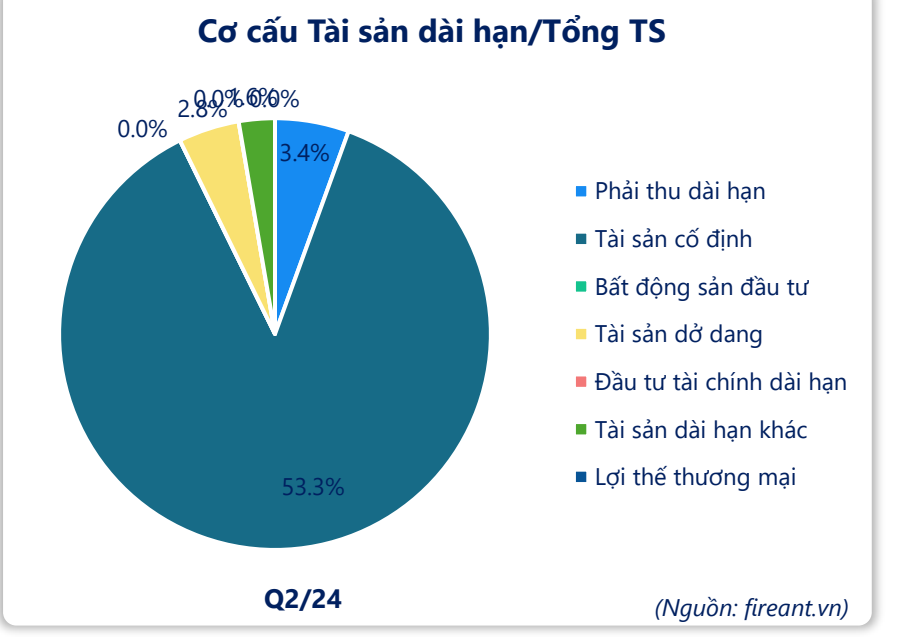
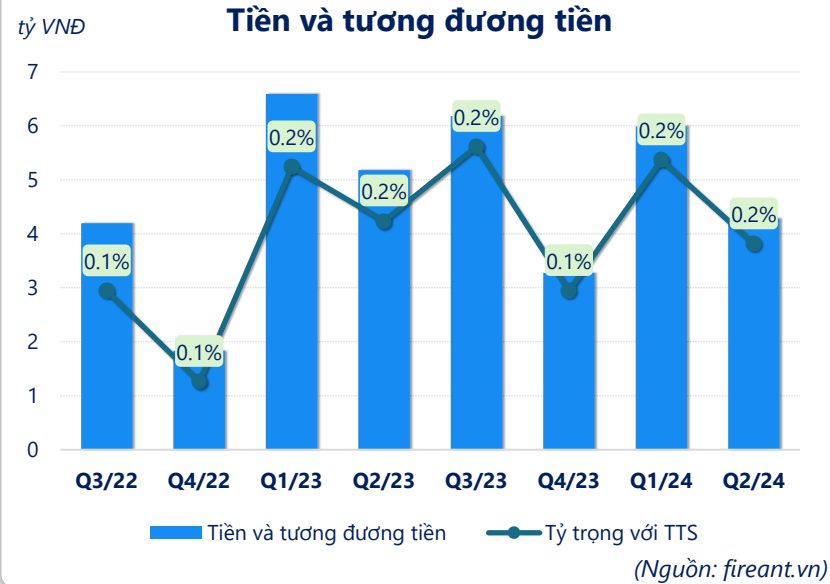
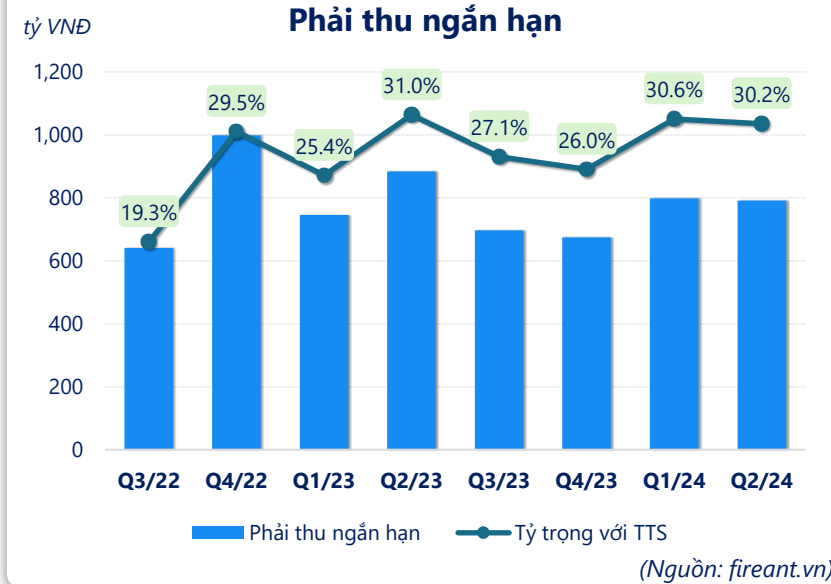
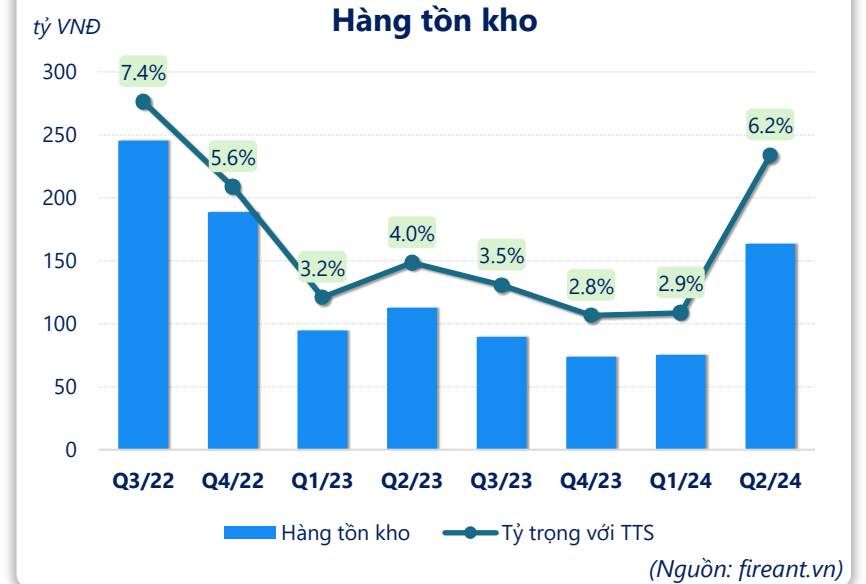
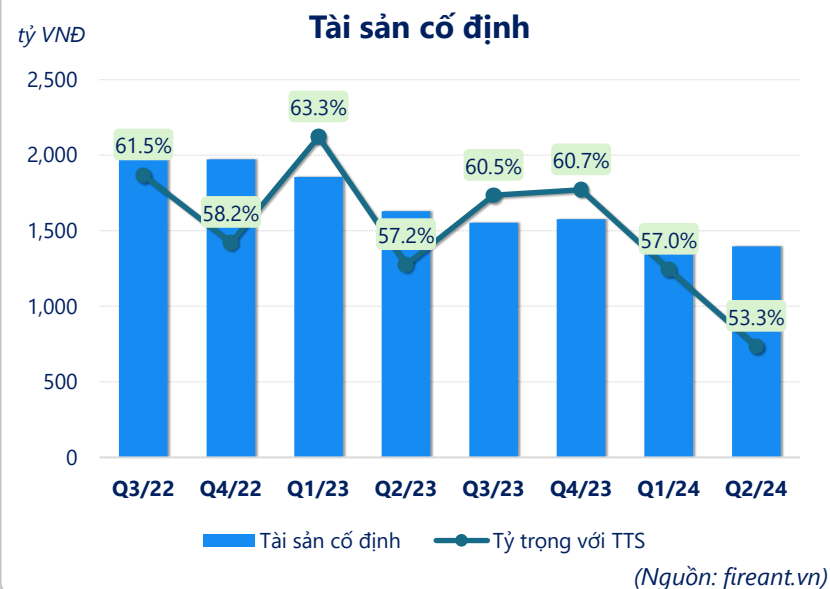
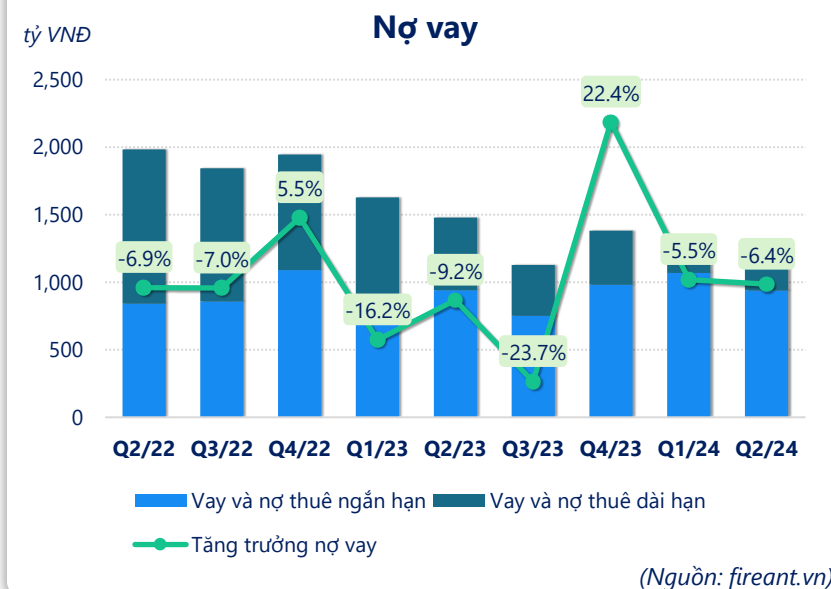
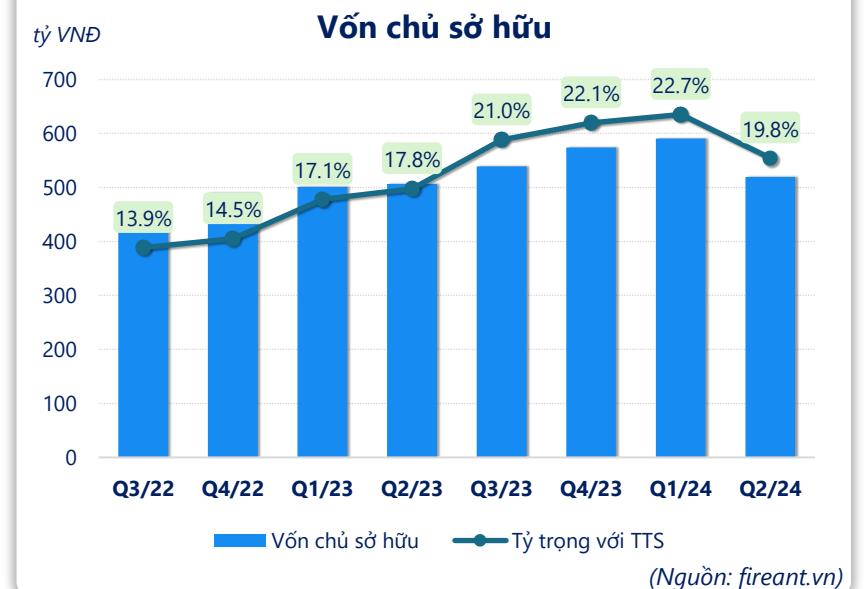
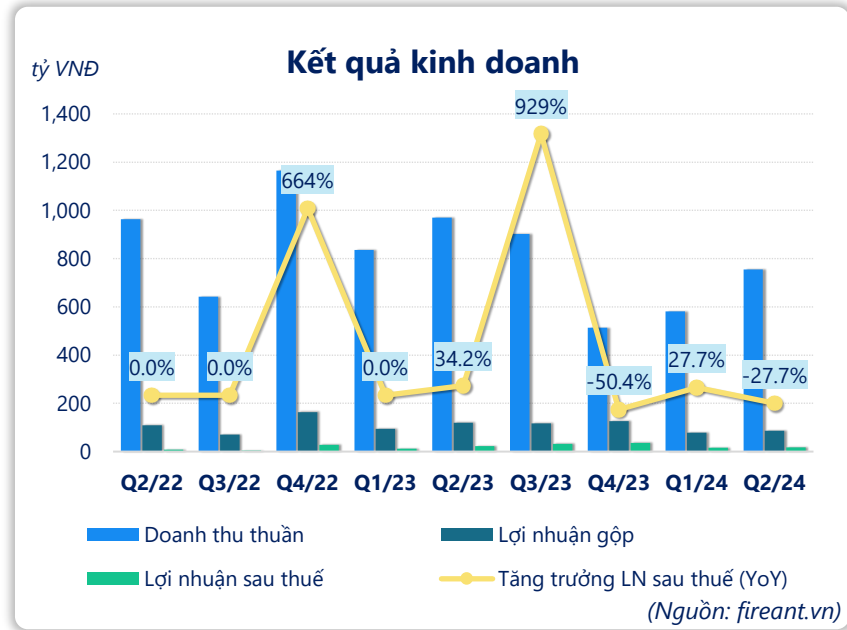
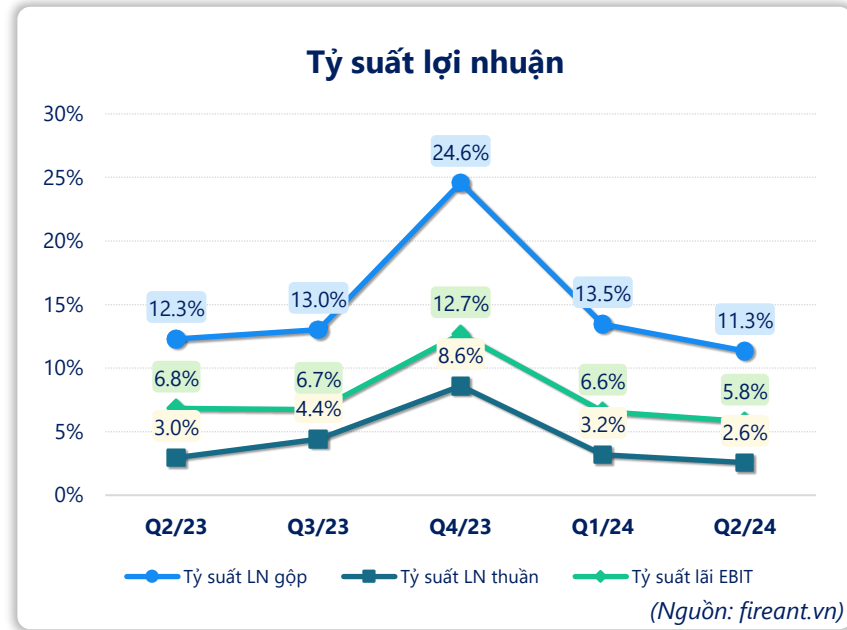
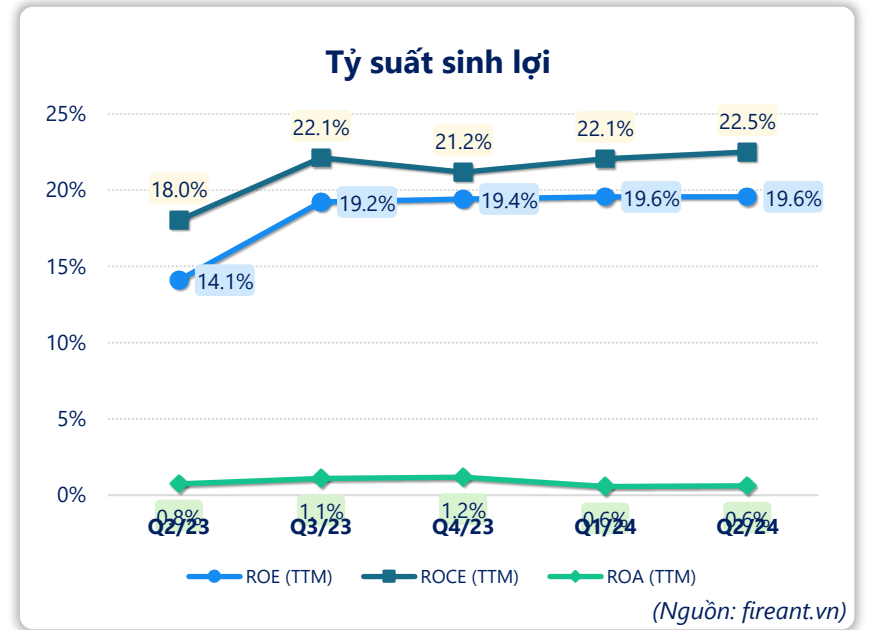
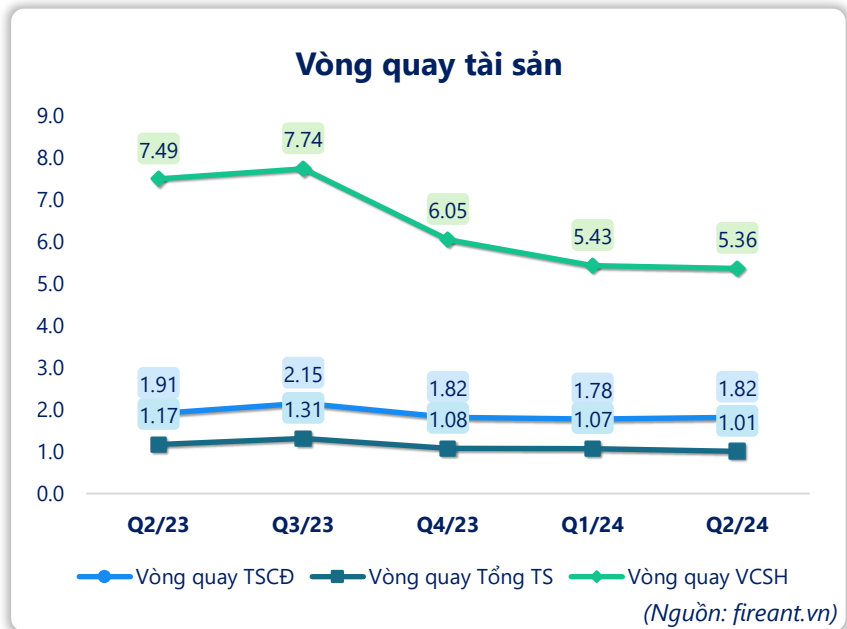
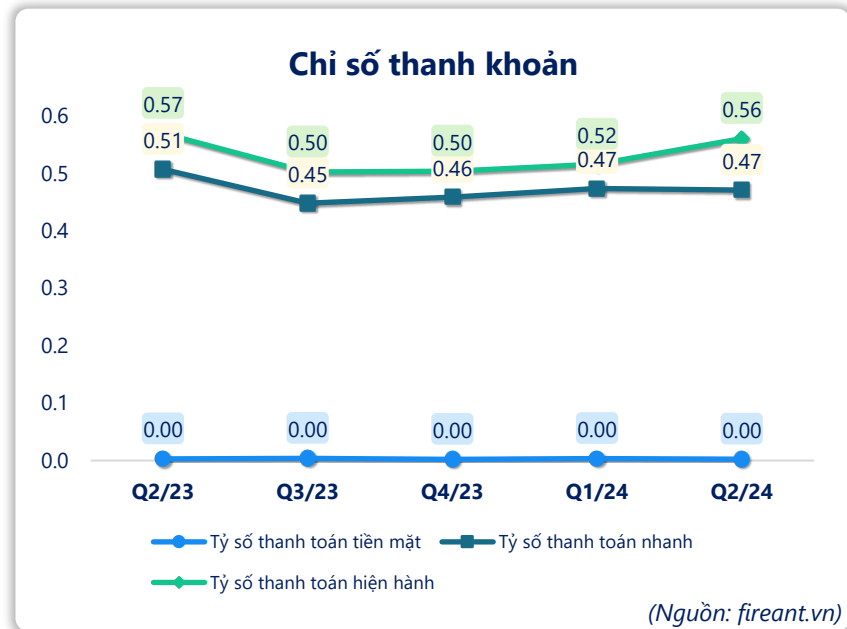
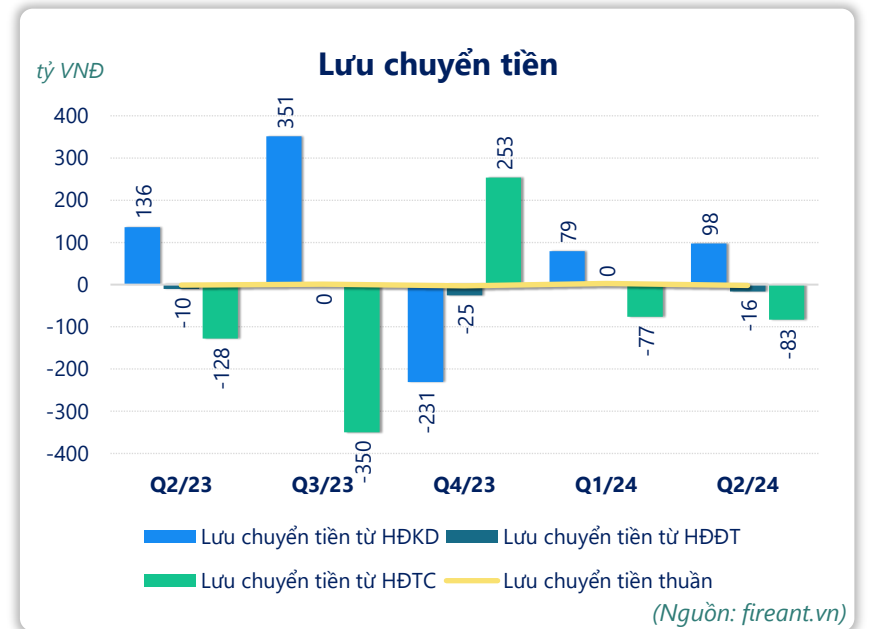


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,527
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,770
SL cổ phiếu LH		36,999,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)		228,580
% sở hữu nước ngoài		5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		451
P/E		4.5
EPS		2,713

	YTD	1T	3T	6T
NBC	6.5%	-3.8%	-9.8%	10.1%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,621	2,628	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	1,019	848	20.2%
Tiền và tương đương tiền	4.28	3.28	30.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	792	707	11.9%
Hàng tồn kho	164	74.9	118%
Tài sản ngắn hạn khác	59.9	62.6	-4.3%
Tài sản dài hạn	1,602	1,780	-10.0%
Phải thu dài hạn	88.8	87.0	2.0%
Tài sản cố định	1,397	1,576	-11.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	73.1	73.1	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	43.2	43.4	-0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,102	2,053	2.4%
Nợ ngắn hạn	1,819	1,650	10.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	939	980	-4.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	332	421	-21.1%
Nợ dài hạn	283	402	-29.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	283	402	-29.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	519	575	-9.7%
Vốn chủ sở hữu	519	575	-9.7%
Vốn điều lệ	370	370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.02	0.02	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	970	902	513	581	755
Giá vốn hàng bán	851	785	387	503	670
Lợi nhuận gộp	119	117	126	78.2	85.7
Doanh thu HĐTC	0.02	1.28	1.28	0.01	1.32
Chi phí TC	38.4	26.1	26.3	18.5	22.8
Chi phí lãi vay	37.2	20.1	20.2	18.5	22.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.70	2.87	1.40	6.46	6.52
Chi phí QLDN	42.6	49.9	55.7	34.8	38.4
LN thuần từ HĐKD	28.6	39.9	44.1	18.5	19.4
Lợi nhuận khác	0.38	0.70	0.70	1.23	1.62
LN trước thuế	29.0	40.6	44.8	19.7	21.0
Lợi nhuận sau thuế	23.2	32.5	35.3	15.8	16.8
LNST của CĐ cty mẹ	23.2	32.5	35.3	15.8	16.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	136	351	-231	79.2	97.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.95	-0.33	-25.1	0.01	-16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-128	-350	253	-76.5	-83.1
Tiền đầu kỳ	6.59	5.18	6.18	3.28	5.99
Lưu chuyển tiền thuần	-1.41	1.00	-2.90	2.71	-1.71
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.18	6.18	3.28	5.99	4.28

(Nguồn: fireant.vn)